Đồng nhôm

AlBz8b (C61000)

Mã vật liệu

UNS	C61000
EN	CuAl7
JIS	/
GB	QAl7

Thành phần hóa học

Cu	Còn lại	%
Al	6.0-8.5	%

Tính năng

Sản phẩm có độ bền và độ đàn hồi cao trong không khí, nước ngọt, nước biển và một số điều kiện axit nhất định. Sản phẩm cũng có khả năng chống ăn mòn cao, có thể gia công dập nóng và lạnh, hàn điện và hàn khí, nhưng không dễ hàn thau.

Ứng dụng điển hình

Sản phẩm chủ yếu được sử dụng cho lò xo, các loại dùng để cố định và các cấu kiện đàn hồi khác với yêu cầu chống ăn mòn nhất định.

Physical Properties

Mật độ[1]	7.78	g/cm³
Độ dẫn điện[1]	15	%IACS
Độ dẫn nhiệt[1]	69.2	W/(m · K)
Hệ số giãn nở nhiệt[2]	17.1	10^{-6}/K
Mô đun đàn hồi	117	GPa

Note: 1. Nhiệt độ thử nghiệm 20°C
2. Khoảng nhiệt độ thử nghiệm 20-300°C

Thuộc tính chế tạo

Gia công lạnh	Tốt
Gia công nóng	Tốt
Hàn trơ	Không được khuyến khích
Tính năng gia công so với đồng C36000	20%

Đồng nhôm

AlBz8b (C61000)

Tính năng gia công

Đường kính	Trạng thái	Độ bền kéo	Giới hạn chảy	Độ giãn dài
mm		MPa min.	MPa min.	%
0.1<Φ≤1.0	H02	540-760	370	--
1.0<Φ≤2.0	H02	520-720	350	--
2.0<Φ≤4.0	H02	500-700	330	≥4
4.0<Φ≤6.0	H02	480-680	310	≥8
6.0<Φ≤8.5	H02	460-660	290	≥10
0.1<Φ≤1.0	H04	880-1130	700	--
1.0<Φ≤2.0	H04	860-1060	680	--
2.0<Φ≤4.0	H04	830-1030	650	--
4.0<Φ≤6.0	H04	780-980	600	--
6.0<Φ≤8.5	H04	690-950	510	--

Dung sai và phương thức vận chuyển

Đường kính	Dung sai*	Trọng lượng cuộn tiêu chuẩn	Đường kính trong cuộn
mm	mm	kg	mm
1.0<Φ≤1.6	0.03	18-30	260-300
1.6<Φ≤2.5	0.03	25-40	320-350
2.5<Φ≤4.0	0.04	30-45	370-400
2.8<Φ≤6.5	0.04	100-250	400-650
4.0<Φ≤6.5	0.05	45-60	370-400
6.5<Φ≤10.0	0.05	200-400	1000-1200
8.0<Φ≤12.0	0.08	200-400	1000-1400

Dung sai được liệt kê trong bảng được chỉ định là tất cả cộng hoặc tất cả trừ. Khi dung sai được chỉ định là cộng và trừ (±), giá trị còn lại một nửa.

*Composition	UNS
Conductivity	UNS
Tính năng gia công	Có giá trị tham khảo, đo ở nhiệt độ phòng, 68°F(20°C).
Thuộc tính chế tạo	UNS, Tính năng gia công tham khảo.
Các tính chất vật lý khác	Chỉ để tham khảo

Bảng dữ liệu này chỉ là các thông tin chung tham khảo và có thể chưa được cập nhật. Bảng không có giá trị yêu cầu bồi thường trừ khi có bằng chứng về lỗi cố ý hoặc sơ xuất cơ bản. Các thông tin đưa ra tương ứng với các tiêu chuẩn như ASTM, BS EN, JIS, RWMA và chỉ có giá trị tham khảo, không có giá trị dẫn chứng để yêu cầu bảo hành. Thông tin đưa ra không dùng để thay thế kết quả phân tích của khách hàng.